TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 166/2018/DS-PT
Ngày: 31/01/2018
V/v tranh chấp sử dụng đất
và tài sản gắn liền với đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Vũ Thị Xuân Trang**

Các Thẩm phán: 1. Bà **Nguyễn Thị Huyền**

2. Bà **Trần Thị Quỳnh Châu**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa : Bà **An Phương Trang**, Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà **Vũ Thị Nguyệt Tú -** Kiểm sát viên.

Ngày 31/01/2018 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 720/2017/TLPT-DS ngày 21/12/2017 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất"

Do bản án dân sự sơ thẩm số 526/2017/DS-ST ngày 25/10/2017 của Tòa án nhân dân quận Z bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2880/2017/QĐ-PT ngày 06/12/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 500/2018/QĐ-PT ngày 17/01/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Trần Công L**, sinh năm 1953 (vắng mặt)
Địa chỉ: A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.
Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hải V, sinh năm 1973 (có mặt)
Địa chỉ: D, Phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông **Bùi Văn H**, sinh năm 1954 (vắng mặt)
Địa chỉ: A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.
Đại diện theo ủy quyền: ông Hồ Trần Đ, sinh năm 1971 (có mặt)
Địa chỉ: D, Phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông H: luật sư Lê Lưu Duy Tú (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Đào Thị Ngọc O, sinh năm 1968 (vắng mặt)
Địa chỉ: X, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Lê Minh N, sinh năm 1955 (vắng mặt)
Địa chỉ: X, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền của bà O, ông N: ông Hồ Trần Đ, sinh năm 1971 (có mặt)
Địa chỉ: X, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông N: luật sư Lê Lưu Duy T (có mặt).

3. Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1957 (xin vắng)
4. Ông Hồ Minh C, sinh năm 1977 (xin vắng)
5. Bà Hồ Thị Thu T1, sinh năm 1977 (xin vắng)
6. Ông Hồ Nhật B, sinh năm 1979 (xin vắng)
7. Bà Hồ Thị Trường A, sinh năm 1981 (xin vắng)
8. Ông Hồ Tấn P, sinh năm 1982 (xin vắng)
9. Ông Hồ Tấn P1, sinh năm 1982 (xin vắng)
Cùng địa chỉ: X, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

10.Ông Trần Công T2, sinh năm 1984 (vắng mặt)
Địa chỉ: X, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

11. Ông Trần Công T3, sinh năm 1987 (vắng mặt)
Địa chỉ: X, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền của ông T2, ông T3: Ông Nguyễn Hải V, sinh năm 1973 (có mặt)
Địa chỉ: X, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG

Tại đơn khởi kiện của nguyên đơn và lời trình bày của đại diện nguyên đơn trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án đã trình bày:

Phần đất trAh chấp có diện tích 338m^2 thửa 57-1 tờ bản đồ số 3 (nay thuộc thửa 26-1, tờ bản đồ 38), X, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh (bản vẽ hiện trạng vị trí do Trung tâm kiểm định bản đồ và tư vấn tài nguyên môi trường lập ngày 27/02/2017) do nguyên đơn ông Trần Công L nhận chuyển

nhượng của ông Hồ Văn B vào năm 1994, đã thanh toán đủ tiền, đã giao đất. Ngay khi giao đất ông L đã xây tường rào gạch chiều cao 3m bao quanh toàn bộ khuân viên đất, có xây dựng căn nhà cấp 4 và trồng cây trên đất. Đến năm 2009, do ông L bị tai nạn nên giao cho con là Trần Công T2 quản lý sử dụng phần đất nêu trên thì ông T2 phát hiện ông Bùi Văn H-người sinh sống kế bên đã chiếm dụng phần đất của ông L để làm kho chứa đồ đạc. Sau đó, ông L nhiều lần yêu cầu ông H trả lại đất đã lấn chiếm nhưng ông H không trả. Ngày 24/7/2015, Ủy ban nhân dân phường Y đã lập biên bản hòa giải về việc tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hai bên thực hiện Quyết định số 30/QĐ-UB-QLĐT ngày 30 tháng 10 năm 1997 của UBND quận Z, thành phố Hồ Chí Minh nhưng phía bị đơn không thực hiện. Bản chính hợp đồng mua bán đất bằng tay ký ngày 09/3/1994 hiện nay đã bị thất lạc nên không cung cấp được.

Nay ông L khởi kiện yêu cầu:

1. Công nhận cho ông L được quyền sử dụng 338m^2 thửa 57-1 tờ bản đồ số 3 (nay thuộc thửa 26-1, tờ bản đồ 38), Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh (bản vẽ hiện trạng vị trí do Trung T2 kiểm định bản đồ và tư vấn tài nguyên môi trường lập ngày 27/02/2017).

2. Buộc ông Bùi Văn H phải tháo dỡ kiến trúc xây dựng trái phép, di dời tài sản trên đất bao gồm phần vách tôn, mái tôn diện tích 42.6m^2 và vách tôn, mái tôn diện tích 89.6m^2; tháo dỡ phần cổng đoạn BC dài 1.4 có cửa 02 cánh; tháo dỡ phần tường đã xây đè lên tường bao khu đất đoạn AB, CD, EF dày 0.2m, cao 0.7 mét, tổng chiều dài 17.38 m (theo bản vẽ hiện trạng vị trí do Trung T2 kiểm định bản đồ và tư vấn tài nguyên môi trường lập ngày 27/02/2017).

Bị đơn ông Bùi Văn H trình bày:

Ông được ông Lê Minh N trông coi phần đất, trong đó có phần đất đAg tranh chấp diện tích 338m^2 thửa 57-1 tờ bản đồ số 3 (nay thuộc thửa 26-1, tờ bản đồ 38), , Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về nguồn gốc đất: Phần đất có diện tích 20.100m^2 do ông Cao Văn Lớn bán cho ông Lê Văn V vào năm 1941. Năm 1960, ông Cao Văn L là người sinh sống cạnh phần đất của ông N có xin trồng trọt trên phần đất này và hứa sẽ trong nom mồ mã của gia đình ông N, ông Là được cho canh tác và trong nom mồ mã vì ông ba Là là một tín đồ cao đài và nơi đây chỉ chon cất các chức sắc Hiệp Thiên đài của đạo Cao Đài.

Năm 1993, Ủy ban nhân dân phường Y, quận Z có mượn đất này và bên ông H cho mượn với cam kết của Ủy ban nhân dân phường Y sẽ trả lại khi có yêu cầu, trong đó có ông ba L sử dụng như trước và tiếp tục trông nom mồ mã. Năm 1994, con trai ông ba L có hành vi xâm chiếm đất, xây cất trái phép và buôn bán đất nên đã làm đơn khiếu nại đến Ủy ban nhân dân quận Z. Đến ngày

10/5/2006, Đội quản lý trật tự đô thị quận Thủ Đức mới mời ông Lê Minh N lên trao quyết định số 30/QĐ-UB-QLĐT ngày 30/10/1997, ông Lê Minh N không đồng ý đã khiếu nại đến Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 08/10/2011, Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành quyết định số 4805/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Minh N với nội dung giữ nguyên quyết định số 30 của Ủy ban nhân dân quận Z. Hiện nay ông N tiếp tục khiếu nại lên trung ương nhưng chưa được giải quyết.

Phần đất trên do ông sử dụng ổn định từ năm 1997 đến nay, đến năm 2002, ông đã đo vẽ hiện trạng vị trí khu đất (bản vẽ đính kèm).

Về phần xây dựng: Ông thừa nhận do ông Trần Công L xây dựng năm 1997, chiều cao khoảng 1.7m, sau đó ông P hiện và buộc ông L ngưng xây dựng, đến năm 2000 ông xây dựng thêm phần cổng đoạn BC dài 1.4m, có 02 cánh cửa. Năm 2012, ông xây dựng chuồng gà và nhà kho, năm 2015 ông xây dựng phần tường đè lên phần tường nhà ông L xây có chiều cao 0,7m, dày 0.2m, tổng chiều dài khoảng 17.38m.

Ông không đồng ý với các yêu cầu của ông Trần Công L, phần đất trên là của ông Lê Minh N thừa hưởng của ông Lê Minh N. Đề nghị ông L cung cấp chứng cứ việc mua bán giữa ông L và ông B, giữa ông B và ông Ba L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Lê Minh N trình bày: Thống nhất lời khai Bùi Văn H theo đơn đã nộp. Đề nghị ông L cung cấp chứng cứ việc mua bán giữa ông L và ông B, giữa ông B và ông Ba L.

- Ông Hồ Tấn P, Hồ Thị Trường A, Hồ Tấn P1, Hồ Nhật B, Hồ Minh C, Hồ Thị Thu T1 cùng trình bày: Chúng tôi là con của ông Hồ Văn Bo, chết năm 2000 và Nguyễn Thị K, sinh năm 1957. Cha mẹ có tất cả 06 người con gồm Hồ Tấn P, Hồ Thị Trường A, Hồ Tấn P1, Hồ Nhật B, Hồ Minh C, Hồ Thị Thu T1.

Trước đây gia đình tôi có một miếng đất thuộc thửa số 57, tờ bản đồ số 03, khu phố 1, phường Y, quận Z do cha mẹ nhận chuyển nhượng của ông Cao Văn L, đến năm 1994, cha mẹ tôi bán lô đất cho ông Trần Công L diện tích 400m^2, việc mua bán có lập hợp đồng, giá bao nhiêu tôi không nhớ rõ. Sau khi nhận chuyển nhượng thì khoảng 3-4 ngày thì ông L xây dựng tường rào bằng gạch bao quanh, có khóa cổng cẩn thận.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì các ông Hồ Tấn P, Hồ Thị Trường A, Hồ Tấn P1, Hồ Nhật B, Hồ Minh C, Hồ Thị Thu T1 hoàn toàn đồng ý, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do bận công việc nên các ông bà Hồ Tấn P, Hồ Thị Trường A, Hồ Tấn P1, Hồ Nhật B, Hồ

Minh C, Hồ Thị Thu T1 xin vắng mặt trong tất cả các buổi giải quyết, hòa giải, xét xử của Tòa án.

- Bà Nguyễn Thị K trình bày: Bà là vợ của ông Hồ Văn B, mất năm 2010, có tất cả 06 người con gồm Hồ Tấn P, Hồ Thị Trường A, Hồ Tấn P1, Hồ Nhật B, Hồ Minh C, Hồ Thị Thu T1.

Vợ chồng bà có nhận chuyển nhượng một miếng đất thuộc thửa số 57, tờ bản đồ số 03, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh của ông Cao Văn Là để lại canh tác.Đến năm 1994, để có tiền lo cho con ăn học, vợ chồng bà bán lô đất cho ông Trần Công L diện tích 400m^2, việc mua bán có lập hợp đồng, có người làm chứng, giá 80 chỉ vàng 24k và thanh toán nhiều đợt, đến năm 1998 thì ông L thanh toán đầy đủ tiền vàng, gia đình tôi đã cắm mốc và giao đất nói trên cho ông L được toàn quyền sử dụng từ năm 1994 đến nay.

Sau khi nhận chuyển nhượng thì ông L xây dựng tường rào bằng gạch bao quAh, có khóa cổng cẩn thận.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bà hoàn toàn đồng ý, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do tuổi đã cao nên bà xin vắng mặt trong tất cả các buổi giải quyết, hòa giải, xét xử của Tòa án.

- Ông Trần Công T2 và ông Trần Công T3 có đại diện ủy quyền trình bày: Ông Trần Công L và bà Hồ Thị Hoa, chết năm 2011 có 02 người con là Trần Công T2 và Trần Công T3. Năm 1994, ông L có nhận chuyển nhượng của ông Hồ Văn Bo phần đất 400m^2, nay đo thực tế còn 338m^2 tại thửa số 57, tờ bản đồ số 3- tài liệu 02/CT-UB, nay thuộc thửa số 26-1, tờ bản đồ số 38, phường Y- tài liệu 2003). Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Công L, công nhận cho ông L được quyền sử dụng 338m^2 thửa 57-1 tờ bản đồ số 3 (nay thuộc thửa 26-1, tờ bản đồ 38, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh; Buộc ông Bùi Văn H phải tháo dỡ kiến trúc xây dựng trái phép, di dời tài sản trên đất bao gồm phần vách tôn, mái tôn diện tích 42.6m^2 và vách tôn, mái tôn diện tích 89.6m^2; tháo dỡ phần cổng đoạn BC dài 1.4m có cửa 02 cánh của nhà nhà số 131/54 mở qua khu đất; Tháo dỡ phần tường đã xây đè lên tường bao khu đất đoạn AB, CD, EF dày 0.2m, cao 0.7m, tổng chiếu dài 17.38m của nhà số 131/54 xây trên giằng tường rào của khu đất tại cao độ 1.8m (bản vẽ hiện trạng vị trí do Trung tâm kiểm định bản đồ và tư vấn tài nguyên môi trường lập ngày 27/02/2017).

- Bà Đào Thị Ngọc O thống nhất ý kiến của ông Bùi Văn H.

Bản án sơ thẩm đã tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

1. Công nhận cho ông Trần Công L được quyền sử dụng 338m^2 thửa 57-1 tờ bản đồ số 3 (nay thuộc thửa 26-1, tờ bản đồ 38, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh theo bản vẽ hiện trạng vị trí do Trung tâm kiểm định bản đồ và tư vấn tài nguyên mội trường lập ngày 27/02/2017.

2. Buộc ông Bùi Văn H phải tháo dỡ phần xây dựng trái phép, di dời tài sản trên đất bao gồm phần vách tôn, mái tôn diện tích 42.6m^2 và vách tôn, mái tôn diện tích 89.6m^2; tháo dỡ phần cổng đoạn BC dài 1.4m có cửa 02 cánh; tháo dỡ phần tường đã xây đè lên tường bao khu đất đoạn AB, CD, EF dày 0.2m, cao 0.7m, tổng chiều dài 17.38m (theo bản vẽ hiện trạng vị trí do Trung T2 kiểm định bản đồ và tư vấn tài nguyên môi trường lập ngày 27/02/2017).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự cũng như các quy định về thi hành án dân sự.

Ngày 07/11/2017 và ngày 08/11/2017 bị đơn ông Bùi Văn H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Minh N có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm:

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện.

Ông H và ông N không rút đơn kháng cáo.

Các đương sự không tự thỏa thuận với nhau giải quyết vụ án.

Ông H và ông N có ông Đ đại diện yêu cầu hủy án sơ thẩm với các căn cứ: nguồn gốc đất của ông Lê Văn V mua vào năm 1941. Năm 1960 ông Cao Văn L mượn canh tác, năm 1983 Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Z có mượn đất này nhưng ông L vẫn tiếp tục sử dụng. Năm 1994 ông Hồ Văn B là con ông L xâm chiếm, xây cất trái phép trên đất, mua bán trái phép cho ông L. Ông L chỉ có giấy tay mua bán hoặc đã bị thất lạc, chỉ có bản photo.

Luật sư bảo vệ quyền lợi cho ông H, ông N đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông H, ông N.

Ông V đại diện ông L, ông T2, ông T3 yêu cầu giữ nguyên án sơ thẩm.

Các đương sự khác xin vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và các thành viên Hội đồng xét xử cũng như các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông H, ông N, giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét kháng cáo của ông H, ông N, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Ông H không có bất cứ chứng cứ gì để chứng minh ông là người có quyền sử dụng phần đất 338m^2 mà ông L tranh chấp. Ông H cho rằng ông là người được ông Lê Minh N nhờ trông coi khu đất nhưng ông N cũng không có chứng cứ gì để chứng minh quyền sử dụng đất đối với phần đất tranh chấp.

Về nguồn gốc đất tranh chấp nằm trong 20.100m^2 đất do ông Lê Văn Vị (ông nội ông N) đứng bộ vào năm 1941 nhưng không có quá trình sử dụng từ trước đến sau giải phóng đến nay. Ông N có khiếu nại đòi đất nhưng quyết định cuối cùng của Ủy ban nhân dân T3 phố Hồ Chí Minh đã có hiệu lực pháp luật không chấp nhận khiếu nại của ông N. Mặt khác tại biên bản tống đạt giấy triệu tập xét xử lần 2 ông N ghi rõ: "không liên quan nên không dự. Đề nghị Tòa án miễn".

Viêc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông L với ông Hồ Văn B từ năm 1994 đến nay ông B đã chết, vợ con ông Bo không có ý kiến yêu cầu gì, các bên không tranh chấp vì đã giao nhận đủ tiền, đủ đất cho nhau xong.

Ông L đã sử dụng đất xây dựng tường rào bao quanh từ năm 1994 và cất nhà ở ổn định, được lập thủ tục nhà đất theo quy định như quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã có hiệu lực pháp luật.

Tòa sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu của ông L là có căn cứ, đúng pháp luật, ông H, ông N kháng cáo nhưng không đưa ra được chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu của mình.

Do vậy Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông H, ông N, giữ nguyên án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Án phí dân sự sơ thẩm: ông H phải chịu.

Án phí dân sự phúc thẩm: ông H, ông N phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 255, 256 Bộ luật dân sự 2005;

Căn cứ Điều 50, 136 Luật Đất đai 2003;

Căn cứ vào Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Bùi Văn H và ông Lê Minh N.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm:

1. Công nhận cho ông Trần Công L được quyền sử dụng 338m^2 thửa 57-1 tờ bản đồ số 3 (nay thuộc thửa 26-1, tờ bản đồ 38, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh theo bản vẽ hiện trạng vị trí do Trung tâm kiểm định bản đồ và tư vấn tài nguyên mội trường lập ngày 27/02/2017.

2. Buộc ông Bùi Văn H phải tháo dỡ phần xây dựng trái phép, di dời tài sản trên đất bao gồm phần vách tôn, mái tôn diện tích 42.6m^2 và vách tôn, mái tôn diện tích 89.6m^2; tháo dỡ phần cổng đoạn BC dài 1.4m có cửa 02 cánh; tháo dỡ phần tường đã xây đè lên tường bao khu đất đoạn AB, CD, EF dày 0.2m, cao 0.7m, tổng chiều dài 17.38m (theo bản vẽ hiện trạng vị trí do Trung tâm kiểm định bản đồ và tư vấn tài nguyên môi trường lập ngày 27/02/2017).

3. Án phí dân sự sơ thẩm: 93.040.000 đồng (Chín mươi ba triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng) ông Bùi Văn H phải chịu;

Hoàn lại cho ông Trần Công L số tiền tạm ứng án phí đã nộp 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) theo biên lai thu số AE/2014/0006778 ngày 17/11/2015 của Chi cục thi hành án dân sự quận Z.

4. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Bùi Văn H và ông Lê Minh N mỗi người phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo các biên lai thu số AA/2017/0037501 và AA/2017/0037502 cùng ngày 10/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Z.

Các đương sự thi hành án theo các Điều 2, 6, 7, 7a, 7b, 9 và 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAD Tối cao;
- TAD cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAD Q.Z;
- Chi cục THADS Q.Z;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Xuân Trang